

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4 năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Phụ cấp thâm niên nghề	858	212		
	+ Phụ cấp thâm niên vượt khung				
	- Các khoản đóng góp	1.538	305		
	+ Bảo hiểm xã hội	1.145	227		
	+ Bảo hiểm y tế	196	39		
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	65	13		
	+ Kinh phí công đoàn	131	26		
	- Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	3	1		
	- Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	1			
	- Chi thanh toán khác cho cá nhân	3.611	380		
	- Tiền điện	360	26		
	- Tiền nước	216	6		
	- Tiền vệ sinh môi trường	72	0		
	- Văn phòng phẩm	108	4		
	- Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	60	0		
	- Cước phí điện thoại	22	1		
	- Thuê bao cáp truyền hình	6	7		
	- Cước phí internet, đường truyền mạng	51			
	- Tuyền truyền, sách báo, tạp chí	32	4		
	- Công tác phí	36	0		
	- Thuê phương tiện vận tải	20	0		
	- Thuê lao động trong nước	200	105		
	- Thuê đào tạo lại cán bộ	100	12		
	- Chi phí thuê mướn khác	50	7		
	- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn	990	18		
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	300	0		
	- Chi mua hàng hóa, vật tư chuyên môn	900	9		
	- Mua ấn chỉ, pho to tài liệu	40	0		
	- Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	107	6		
	- Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	1.450	2		
	- Chi hỗ trợ khác (trợ cấp nghỉ việc)	0	0		
b	10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL	42	0		
c	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên	694	0		
d	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 03/2018/NQ-HĐND	2.152	1.350		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	646	191	30%	23%
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0		

Người lập bảng



Tô Quốc Liệt



Quận 1, ngày 15 tháng 01 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Thu Hương

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4 năm 2021 như sau:

DV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4 năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, nguồn khác				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
2	Số thu từ nguồn thu khác	9.602	0	0%	0%
	- Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	1.179	0		
	- Tiền tổ chức phục vụ bán trú	3.394	0		
	- Tiền tổ chức lớp học tăng cường Tiếng Anh	543	0		
	- Tiền tổ chức lớp học Tiếng Anh tự chọn	36	0		
	- Tiền tổ chức lớp học Tin học	707	0		
	- Tiền vệ sinh bán trú	566	0		
	- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ HSBT	189	0		
	- Khai thác cơ sở vật chất	150	0		
	- Tiền học Tiếng Anh tích hợp (15% học phí/khóa)	1.075	0		
	- Tiếng Anh giao tiếp (trích lại)	186	0		
	- Câu lạc bộ ngoài giờ	980	0		
	- Câu lạc bộ buổi hai	587	0		
	- Hoạt động tài chính	10	0		
II	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.772	4.172	19%	66%
I	Nguồn ngân sách trong nước	21.772	4.172	19%	66%
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.772	4.172	19%	66%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	21.126	3.981	19%	63%
	- Chi tiền lương	5.621	1.076		
	+ Lương theo ngạch, bậc	3.879	1.029		
	+ Lương theo hợp đồng	137	34		
	+ Tiền công trả cho vị trí LD thường xuyên theo HD	1.605	13		
	- Phụ cấp lương (Chi tiết từng loại phụ cấp)	2.344	663		
	+ Phụ cấp chức vụ	65	21		
	+ Phụ cấp thêm giờ (Phụ trội)	80	91		
	+ Phụ cấp độc hại	0	3		
	+ Phụ cấp ưu đãi nghề	1.332	334		
	+ Phụ cấp theo nghề, theo công việc	9	2		